

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ GIÁO DỤC BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Trần Huy Hoàng,
Nguyễn Thị Hảo*,
Vương Hồng Hạnh

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
+ Tác giả liên hệ • Email: haont@vnies.edu.vn

Article history

Received: 05/6/2024

Accepted: 10/7/2024

Published: 05/9/2024

Keywords

Wildlife conservation
education, biodiversity,
living environment,
international experience

ABSTRACT

In the context of the earth getting warmer and the unpredictable changes of natural disasters and epidemics, improving the living environment is considered one of the urgent tasks. In particular, wildlife conservation is a key task, affecting the survival of the earth and humanity. This is not only a matter of survival for an individual, a group, a region or a country but a global issue. The ecosystem in general and wildlife in particular have been calling for urgent help, but unfortunately, they have only received weak responses from humans. The article analyzes the experiences of China, Singapore and New Zealand in wildlife conservation education, thereby drawing lessons for Vietnam. Accordingly, further studies on wildlife conservation in Vietnam need to focus on: wildlife conservation education content; wildlife conservation models; and communication activities on the importance and methods of wildlife conservation. It can be said that the article is considered a source of information to support researchers in determining research directions on wildlife conservation, as well as supporting managers in planning to implement wildlife conservation models, ensuring ecological balance by region and area.

1. Mở đầu

Động vật hoang dã (ĐVHD) đóng vai trò quan trọng trong cân bằng hệ sinh thái đặc biệt là tại Việt Nam, quốc gia được đánh giá cao về đa dạng sinh học. Tuy nhiên, tình hình khai thác trái phép ĐVHD ngày càng diễn ra mạnh mẽ đe dọa nhiều loài động vật có nguy cơ bị tuyệt chủng. Bảo tồn ĐVHD là việc bảo vệ các loài ĐVHD và môi trường sống của chúng, để đảm bảo rằng giới tự nhiên sẽ được bảo vệ để che chở cho các thế hệ tương lai và giúp loài người nhận ra tầm quan trọng của ĐVHD và môi trường hoang dã đối với con người và các loài vật trên hành tinh này. Hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD đang thu hút nhiều sự quan tâm của các quốc gia cũng như các tổ chức bảo vệ động vật. Nhiều công trình nghiên cứu cũng như các chương trình hoạt động giáo dục bảo vệ động vật đã và đang được triển khai thực hiện nhằm góp phần bảo vệ sự đa dạng sinh học động thực vật trên trái đất thông qua thay đổi nhận thức của con người. Bài báo phân tích kinh nghiệm về giáo dục bảo tồn ĐVHD ở Trung Quốc, Singapore và New Zealand; là những bài học hữu ích mà Việt Nam có thể tham khảo.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia về bảo tồn động vật hoang dã

2.1.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Những thay đổi mạnh mẽ trên toàn cầu đối với môi trường đã gây ra sự suy giảm đa dạng sinh học chưa từng có, với hơn 28% loài được Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế đánh giá có nguy cơ tuyệt chủng. Trung Quốc- một trong những quốc gia đa dạng sinh học lớn trên thế giới, đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học toàn cầu (IUCN Red List, 2021). Hội nghị các bên lần thứ 15 về Công ước Đa dạng sinh học sắp tới là cơ hội để Trung Quốc đưa ra những cam kết đầy tham vọng nhưng thực tế nhằm tăng cường các hoạt động quản lý và bảo tồn ĐVHD quốc gia (Huang et al., 2021; Goodall, 2017).

- Một số kết quả đạt được trong vấn đề bảo tồn ĐVHD:

+ *Phục hồi loài và bảo vệ môi trường sống*: ĐVHD ở Trung Quốc được bảo vệ và quản lý từ các cấp chính quyền khác nhau tùy theo phân loại và xếp loài. Bắt đầu với việc thành lập khu bảo tồn thiên nhiên đầu tiên vào năm 1956, Trung Quốc triển khai các biện pháp quan trọng để bảo vệ ĐVHD, bao gồm việc ban hành và sửa đổi luật pháp và quy định, thiết lập khung pháp lý với các loài cụ thể được liệt kê theo nguy cơ tuyệt chủng hoặc giá trị sinh thái, khoa

học hoặc xã hội, kí kết các công ước quốc tế và hiệp định đa phương, thực hiện các lệnh cấm, dự án và khảo sát cấp quốc gia. Các loài hàng đầu như gấu trúc khổng lồ, mèo lớn, khi mũi hếch, vượn, cá heo và động vật móng guốc, được bổ sung vào danh sách bảo tồn.

+ *Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và thực trạng bảo tồn*: Hiện nay, Trung Quốc tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đóng góp cho quá trình bảo tồn đa dạng sinh học. Các ngành nghề giữ vai trò khác nhau, các tập đoàn bắt đầu hỗ trợ sáng kiến bảo tồn, bao gồm giám sát các loài và tài nguyên thiên nhiên có nguy cơ tuyệt chủng, thành lập các trung tâm nhân giống, phát triển các chương trình nhân giống và tái thả giống bảo tồn, thành lập các quỹ từ thiện để thúc đẩy bảo tồn ĐVHD, thành lập chuỗi cung ứng công nghiệp xanh nhằm thúc đẩy các sản phẩm thân thiện với môi trường và triển khai đổi mới công nghệ kỹ thuật số, tạo điều kiện bảo tồn đa dạng sinh học (Wang et al., 2019). Dự án Ant Forest là một mô hình minh họa tốt về sự tham gia của doanh nghiệp vào hoạt động bảo tồn, huy động sự tham gia của công chúng để giảm lượng khí thải carbon và hỗ trợ trồng cây. Năm 2017, một tập đoàn gồm 23 tổ chức bao gồm Quỹ SEE đã thành lập “Liên minh Khu bảo tồn Thiên nhiên Khó thịnh vượng chung” để kêu gọi công chúng bảo vệ 1% diện tích đất quốc gia vào năm 2030.

+ *Sự tham gia của cộng đồng và tri thức truyền thống*: Các sáng kiến bảo tồn đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng là một khía cạnh tăng trưởng khác ở Trung Quốc. Người dân tham gia khảo sát về niềm tin và thái độ đối với môi trường, tham gia thiết lập các khu bảo vệ thiên nhiên, cũng như các sáng kiến giáo dục môi trường diện rộng. Tín ngưỡng truyền thống cũng đã được sử dụng trong bảo tồn đa dạng sinh học. Các khu bảo tồn cộng đồng, như Rừng Phong Thủy, tận dụng niềm tin tâm linh để bảo vệ các địa điểm có ý nghĩa tôn giáo hoặc giảm thiểu việc khai thác tài nguyên vốn được bảo vệ bởi những điều cấm kị về tôn giáo hoặc văn hóa. Các khu bảo tồn cộng đồng này thường có quy mô nhỏ nhưng có thể là môi trường sống quan trọng cho các loài có nguy cơ tuyệt chủng hoặc đóng vai trò là hành lang kết nối các Khu bảo tồn lớn hơn tạo điều kiện cho ĐVHD phân tán hoặc di cư. Sự tham gia của cộng đồng vào các Khu Bảo vệ này giúp bảo vệ tốt hơn trong vùng núi thiêng.

- *Lập kế hoạch bảo tồn ĐVHD*

+ *Thiết kế hàng đầu khu vực cần bảo tồn*: Hiện nay, Trung Quốc đang thiết lập hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên với công viên quốc gia là trụ cột, thiên nhiên là yếu tố nền tảng với nhiều công viên tự nhiên khác nhau. Hơn nữa, Vành đai đỏ Bảo tồn Sinh thái, được phối hợp và liên kết với khung quy hoạch sử dụng đất khác, cũng đang được tiến hành. Những thiết kế cấp cao nhất này sẽ tích hợp và tối ưu hóa các Khu Bảo vệ hiện có nhằm bao quát nhiều khu vực quan trọng hơn trong dịch vụ hệ sinh thái và ĐVHD, đồng thời mở rộng cải thiện mức độ đại diện phù hợp. Ngoài ra, việc thành lập vườn quốc gia biển là hết sức cần thiết để tăng cường bảo vệ đa dạng sinh học biển (Zhou et al., 2021). Trong khi đó, các loại đất khác có giá trị bảo tồn, như đất nông nghiệp, cần được đưa vào kế hoạch bảo vệ (Li et al., 2020).

+ *Bảo tồn và quản lý dựa trên cơ sở khoa học*: Việc thiếu thông tin về lịch sử nhân khẩu học, đa dạng di truyền và chiến lược thích ứng của các loài có nguy cơ tuyệt chủng đã hạn chế việc phát triển các giải pháp bảo tồn và hoạt động phục hồi. Một ví dụ điển hình đáng chú ý là gấu trúc khổng lồ, chính sách và quản lý dựa trên thông tin khoa học đã góp phần hạ cấp loài này từ “Có nguy cơ tuyệt chủng” xuống “Dễ bị tổn thương” (Swaisgood et al., 2018). Vì vậy, các quyết định quản lý và chính sách trong tương lai nên dựa trên chất lượng khoa học cơ bản. Cần có ủy ban khoa học đa ngành để cung cấp phân tích, đánh giá và đề xuất việc ra quyết định, như sửa đổi luật bảo vệ ĐVHD, đặt ra các mục tiêu bảo tồn và xây dựng các chương trình bảo tồn quốc gia. Những thay đổi về phân loại loài theo liệt kê cần được giải quyết kịp thời và danh sách các loài được bảo vệ cần được cập nhật thường xuyên để có thể thu hẹp khoảng cách và xây dựng các biện pháp can thiệp quản lý với tất cả các loài có nguy cơ. Ngoài ra, cần tăng cường quản lý các loài thông thường dựa trên cơ sở khoa học. Với việc thực hiện các dự án quốc gia và sự vắng mặt của các loài ăn thịt cỡ lớn và vừa, sự tăng trưởng nhanh chóng của một số loài động vật ăn cỏ, chẳng hạn như lợn rừng, đang ảnh hưởng xấu đến sự ổn định của hệ sinh thái. Cần có sự can thiệp quản lý khoa học đối với các loài vượt quá khả năng chứa của môi trường.

+ *Giám sát, chia sẻ thông tin và đánh giá dài hạn*: Mặc dù một số mạng lưới giám sát ĐVHD đang hoạt động, nhưng trong thực tế, các khoảng trống và sự chồng chéo trong giám sát vẫn phổ biến, đồng thời các chỉ số, phương pháp và hướng dẫn điều chỉnh các mạng lưới này không nhất quán do thiếu thiết kế hàng đầu. Quan trọng nhất là dữ liệu giám sát không được chia sẻ, tích hợp và phân tích đầy đủ để định hướng các quyết định và chính sách quản lý. Ngoài ra, mặc dù mạng lưới giám sát dịch bệnh ĐVHD trên cạn, bao gồm 350 trạm quan trắc cấp quốc gia, 768 tỉnh và nhiều cấp huyện đã được thành lập hơn 10 năm, nhưng năng lực kiểm soát và giám sát dịch bệnh ĐVHD vẫn chưa đủ. Để lấp đầy những khoảng trống này, cần tối ưu hóa và tích hợp hơn nữa các mạng lưới giám sát ĐVHD

hiện tại, đảm bảo chia sẻ thông tin tự do. Các công nghệ mới như viễn thám tầm thấp bằng máy bay không người lái hoặc vệ tinh nhỏ và viễn thám hồng ngoại nhiệt nên được kết hợp với các phương pháp giám sát truyền thống để thu thập quan sát tổng hợp quy mô nhỏ nhằm hiểu rõ hơn về những thay đổi nhịp nhàng trong ĐVHD và môi trường sống (Hu et al., 2021). Bên cạnh đa dạng loài, đa dạng di truyền cũng cần được theo dõi để xây dựng chiến lược bảo tồn mang tính chất khoa học và hợp lý. Hơn nữa, Trung Quốc đã thực hiện nhiều chương trình bảo tồn; tuy nhiên, hệ thống chỉ số khoa học dựa trên chỉ số để đánh giá hiệu quả chương trình này vẫn chưa được xây dựng. Cần thường xuyên ghi lại kết quả các biện pháp can thiệp quản lý và biện pháp bảo tồn để hướng dẫn việc thiết kế và thực hiện các biện pháp bảo tồn trong tương lai.

+ *Thúc đẩy sự đóng góp từ người dân và doanh nghiệp*: Hiểu biết và các hình thức tham gia của người dân có tiềm năng lớn trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng, nâng cao kiến thức khoa học, cải thiện quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu và học thuật Trung Quốc nên tận dụng nhiều hơn các hình thức này để thúc đẩy người dân tham gia tìm hiểu và thực hành bảo tồn, tăng cường nội địa hóa đạo đức môi trường và đào tạo đại sứ ủng hộ mục tiêu bảo tồn. Khu bảo tồn cộng đồng thường tiết kiệm chi phí hơn so với khu bảo tồn thiên nhiên vì việc tuân thủ quản lý môi trường xuất phát từ thái độ cộng đồng hơn là quy định của chính phủ. Chính phủ nên kết hợp và thúc đẩy cách tiếp cận dựa vào cộng đồng và các sáng kiến giáo dục này bất cứ khi nào có thể. Tiến bộ trong việc quản lý và bảo tồn ĐVHD ở Trung Quốc được hình thành trên việc thiết lập khung pháp lý và thực thi luật pháp, quy định cũng như các chương trình bảo tồn dựa trên cơ sở khoa học trong suốt 40 năm qua. Sự phục hồi quần thể và tái thả một số loài tiêu biểu cũng như những nỗ lực tăng cường gần đây nhằm chống buôn bán ĐVHD bất hợp pháp đã tạo tiền lệ tốt cho những loài khác. Tuy nhiên, việc bảo tồn và quản lý hiệu quả ĐVHD vẫn còn nhiều thách thức, trong đó có nhiều thách thức mà toàn cầu phải đối mặt. Việc xây dựng Nền văn minh Sinh thái dựa trên di sản lịch sử này tạo cơ hội cho chính phủ tận dụng niềm tin của người dân, đáp ứng những thách thức bảo tồn hiện nay.

- *Những hiểu biết sâu sắc trong quản lý và xu hướng nghiên cứu trong tương lai*

Sự phát triển của công nghệ thông tin và công nghệ dữ liệu lớn cũng mang đến cơ hội mới cho việc bảo vệ ĐVHD. Để thực hiện tốt hơn việc bảo vệ ĐVHD, cần nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong quá trình bảo tồn ĐVHD. Sự phát triển trong tương lai của hoạt động bảo tồn ĐVHD cần tập trung vào các vấn đề: Áp dụng Dữ liệu lớn vào bảo tồn ĐVHD; Hệ thống hỗ trợ quyết định và bảo vệ thông minh đa kênh; Cải tiến quản lý và thực thi luật bảo tồn ĐVHD; Thúc đẩy phát triển nhân tài đa ngành; Ứng dụng giám sát và nhận dạng thông minh. Công tác bảo tồn ĐVHD đang dần tiến tới kỉ nguyên dữ liệu lớn. Thông qua trí tuệ nhân tạo, học máy, xử lý ngôn ngữ thần kinh và các phương tiện kĩ thuật khác, nghiên cứu về môi trường sinh thái, quần thể động vật và từng loài động vật có thể được thực hiện. Là nguồn tài nguyên sinh học quan trọng, động vật và thực vật hoang dã chiếm một vị trí then chốt trong thế giới tự nhiên. Chúng đóng vai trò rất quan trọng trong việc duy trì cân bằng sinh thái, cải thiện môi trường tự nhiên, thúc đẩy sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên, duy trì đa dạng sinh học.

Như vậy, ĐVHD là một phần quan trọng của hệ sinh thái tự nhiên và là nguồn tài nguyên quý giá mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Bảo vệ sự an toàn của tài nguyên ĐVHD gắn liền với sự tồn tại và phát triển của loài người. Ngày nay, nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên ĐVHD ở Trung Quốc ngày càng trở nên khó khăn và còn nhiều vấn đề tồn tại (Du và cộng sự, 2023). Nếu không tăng cường nỗ lực bảo vệ và kiểm soát mức độ sử dụng tài nguyên hiệu quả thì sẽ ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện chiến lược phát triển xã hội và phát triển bền vững. Đồng thời, để thực hiện tốt hơn việc bảo vệ ĐVHD, cần sự chung tay của các bên liên quan từ Trung ương tới địa phương, doanh nghiệp, người dân và vai trò thiết yếu của công nghệ thông tin.

2.1.2. Kinh nghiệm của Singapore

Để tăng cường tính bền vững môi trường, Chính phủ Singapore đặt ra các mục tiêu mới khuyến khích quản lý cộng đồng, tăng vùng tự nhiên tới năm 2030 (Ministry of the Environment and Water Resources and Ministry of National Development, 2015). Chương trình *Tương lai ĐVHD* nỗ lực kết nối cư dân thành phố với thiên nhiên (Yang, 2016). Độ tuổi tham gia từ 15 đến 21 tuổi. Mục tiêu chương trình: Giải quyết chủ nghĩa vị lợi, thay đổi cách nhìn về ĐVHD và môi trường sống tự nhiên. Chương trình giúp HS: Xây dựng mối liên hệ với ĐVHD; Nâng cao nhận thức về các mối đe dọa hiện nay đối với việc bảo tồn ĐVHD; Tăng cường hiểu biết về vai trò của vườn thú và thủy cung trong bảo tồn; Tạo điều kiện thuận lợi cho tích lũy kinh nghiệm về bảo tồn ĐVHD. Chương trình này bắt đầu từ năm 2014, HS (tất cả 16 tuổi) từ trường nữ sinh địa phương, thời gian: 4 ngày 1 đêm trại, địa điểm: 4 công viên trong Khu vực Bảo tồn ĐVHD (Sở thú Singapore, Night Safari, River Safari và Vườn chim Jurong). Các hoạt động đa dạng, tạo trải nghiệm độc đáo với động vật trong bộ sưu tập của công viên và kích thích tư duy

thảo luận. Để đảm bảo HS nhận được trải nghiệm phong phú, các hoạt động được trình bày xen lẫn việc lấy loài làm trung tâm và cảm xúc trong thiên nhiên, lấy sinh thái làm trung tâm và dựa trên kết nối. Phân loại hoạt động thành ba cấp độ trải nghiệm: *Dạy học thông qua Chia sẻ*, *Hoạt động thực hành* và *Bảo tồn bên ngoài Vườn thú*. Bảo tồn ĐVHD bản địa, bảo tồn hiện nay trong Khu vực Bảo tồn ĐVHD và định hướng nghề là chủ đề định kì trong toàn bộ chương trình.

Dạy học thông qua chia sẻ. Ở cấp độ lấy loài làm trung tâm, HS tham gia các buổi nói chuyện và tham quan do cán bộ vườn thú, chuyên gia bảo tồn và cán bộ giáo dục hướng dẫn. Những hoạt động này thường là quan sát động vật và chia sẻ cá nhân, với mục tiêu giới thiệu bảo tồn ĐVHD ở mức độ cá nhân và cảm xúc. Các hoạt động gồm: Quan sát động vật; Buổi nói chuyện của cán bộ vườn thú và chuyên gia bảo tồn; Thăm quan nơi động vật ở; Nghiên cứu hành vi động vật; Hội thảo tương tác.

Hoạt động thực hành. Để nuôi dưỡng ý thức bảo vệ ĐVHD và môi trường sống hoang dã, các hoạt động thực hành được triển khai, trong đó HS thực hiện các hành động hữu ích trực tiếp cho động vật hoặc bắt đầu quá trình học tập cá nhân. Các hoạt động gồm: Trải nghiệm làm cán bộ chăm sóc động vật; Nghiên cứu hành vi động vật; Khảo sát ĐVHD.

Bảo tồn bên ngoài vườn thú. Để giúp HS suy nghĩ rộng hơn việc bảo tồn trong vườn thú và thủy cung, chương trình tổ chức thảo luận các chủ đề gây tranh cãi liên quan đến bảo tồn. Những cuộc thảo luận này khuyến khích HS khám phá thế giới quan riêng, tôn trọng các ý kiến và tìm hiểu các giải pháp thay thế về hiểm họa môi trường. Một số chủ đề thảo luận như: Các quyết định trong bảo tồn ĐVHD - Bảo tồn cái gì và như thế nào; Bảo tồn bền vững.

Một trong những mục tiêu của chương trình là giúp người học mở rộng quan điểm và thay đổi thái độ. HS hiểu sâu hơn về vai trò của vườn thú và thủy cung trong công tác bảo tồn. HS nhận ra rằng các tổ chức ĐVHD rất quan trọng trong việc nhân giống, nghiên cứu và cơ sở vật chất giáo dục. Niềm tin khích lệ các hành động bảo tồn cần được xây dựng dựa trên kiến thức khoa học chính xác và ý thức trách nhiệm đạo đức. HS tham dự chương trình theo sở thích cá nhân, có thái độ tích cực đối với động vật. Chương trình *Tương lai ĐVHD* dường như rất thu hút thanh thiếu niên tham gia học tập thực sự, dựa trên trải nghiệm về bảo tồn ĐVHD.

Tại Singapore, Giáo dục môi trường mang tính chất thực tế, hệ thống giáo dục khuyến khích người dân tham gia “giáo dục cụ thể về sinh thái/bảo tồn” nhằm thay đổi sở thích về cảnh quan, và bảo tồn di sản sinh vật, Chương trình *Tương lai ĐVHD* góp phần giúp HS biết tên loài, hiểu các vấn đề hiện nay về bảo tồn ĐVHD; trong tương lai, chương trình này sẽ được nhân rộng tới nhiều trường học, tạo mạng lưới thanh thiếu niên có nhận thức và hiểu biết rõ về vai trò của bảo tồn thiên nhiên nói chung và ĐVHD nói riêng.

2.1.3. Kinh nghiệm của New Zealand

Aotearoa-New Zealand là quốc gia với hệ sinh thái đa dạng, phong phú và độc đáo, được OECD công nhận có giá trị và quan trọng (OECD, 2007). Tuy nhiên, nhiều loài thực vật và động vật chỉ có ở Aotearoa-New Zealand có nguy cơ tuyệt chủng cao. Tình trạng này phần lớn do tác động của con người, do quyết định thiếu hiểu biết trước đây khi du nhập các loài động vật.

Bảo tồn hệ sinh thái Aotearoa-New Zealand cũng là trọng điểm trong lĩnh vực giáo dục quốc gia chính thức. Chương trình Nhà trường môi trường đã phát triển với hơn 1403 trung tâm mầm non, trường học trên toàn quốc (Birdsall & Kelly, 2022; EnviroSchools, n.d), tập trung vào hoạt động học tập và hành động vì môi trường theo từng trường học địa phương, từ năm 1993. Để đáp ứng mục tiêu khôi phục và duy trì hệ sinh thái độc đáo của Aotearoa-New Zealand, nhiều HS tiểu học (từ 5-13 tuổi) tham gia học tập về bảo tồn trong chương trình giáo dục chính thức. Học về bảo tồn là hình thức giáo dục môi trường cụ thể tập trung vào hành động bảo vệ môi trường.

Phần lớn người dân New Zealand lựa chọn bảo vệ và khôi phục di sản thiên nhiên qua việc hỗ trợ kiểm soát động vật có vú du nhập. Vì vậy, sự hiểu biết về kiểm soát các loài động vật có vú du nhập là vấn đề quan trọng và hợp pháp trong giáo dục bảo tồn ở các trường tiểu học ở Aotearoa-New Zealand. Giáo dục bảo tồn bao gồm việc kiểm soát chặt chẽ các loài động vật có vú này sẽ giúp trẻ em khám phá và góp phần xây dựng các giá trị đã nêu trong Chương trình giảng dạy của New Zealand.

Qua khám phá đa dạng sinh học độc đáo ở Aotearoa-New Zealand, HS sẽ học cách tôn trọng sự đa dạng di sản thiên nhiên. Trẻ em có thể được khuyến khích hơn nữa việc phát triển giá trị sinh thái bền vững qua tìm hiểu ảnh hưởng của động vật có vú du nhập đối với di sản thiên nhiên di trú, đồng thời đánh giá cao sự tham gia vì lợi ích chung, từ đó tham gia vào các hoạt động theo thông báo, giúp khôi phục và bảo vệ di sản thiên nhiên. Qua các cuộc thảo luận, các em có thể khám phá giá trị khôi phục sự công bằng cho các loài động vật và thực vật bản địa của Aotearoa-New Zealand bằng cách bảo vệ chúng khỏi các loài động vật có vú du nhập, một cách nhân đạo và có đạo đức.

Quá trình học tập nhằm nuôi dưỡng các giá trị trong giáo dục bảo tồn rất hữu ích với HS. Khi HS được quan sát loài thực vật và động vật yêu thích, hợp tác với các thành viên khác trong cộng đồng, từ đó góp phần khôi phục hệ sinh thái độc đáo ở Aotearoa-New Zealand.

Như vậy, ở New Zealand, HS không chỉ tìm hiểu về hệ thực vật và động vật độc đáo hiện có tại địa phương mà còn hình dung các loài trong tương lai, tìm hiểu đánh giá sự đa dạng loài trước khi quyết định nên nuôi dưỡng loài nào. Qua đó, người học sẽ hình thành tư duy tư duy phê phán và phát triển các giá trị khi đưa ra quyết định lựa chọn loài. Trong quá trình khám phá, tiếp xúc với các nhóm thổ dân, trẻ em sẽ xây dựng góc nhìn đa văn hóa và tìm hiểu về di sản Māori đặc trưng địa phương. Bằng cách này, giáo dục bảo tồn với quan điểm giá trị không chỉ giúp trẻ em trở thành những người học tập suốt đời, mong muốn được chăm sóc môi trường suốt đời mà còn chung tay gìn giữ môi trường bền vững.

2.2. Một số khuyến nghị

Ở Việt Nam, các hoạt động săn bắt trái phép, buôn bán ĐVHD, phá hoại môi trường sống, phá rừng, rác thải... khiến cho các loài động vật trong Sách đỏ Việt Nam cũng như trong công ước CITES (Công ước về Thương mại quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp) đang dần mất đi và có nguy cơ tuyệt chủng. Nhà nước cũng đã ban hành nhiều luật tạo hàng lang pháp lý nhằm triển khai các chương trình hành động khẩn cấp cứu, bảo vệ hệ sinh thái cũng như các loại ĐVHD trên toàn quốc nói chung, khu vực Tây Nguyên nói riêng (Luật Bảo vệ môi trường 2015, Luật Đa dạng sinh học 2008, Báo cáo quốc gia về đa dạng sinh học 2011...). Thực tế việc giáo dục bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ ĐVHD Tây Nguyên nói riêng có những hạn chế cơ bản sau:

- Thiên nhiên (môi trường tự nhiên) liên tục biến đổi, nhưng người dân nói chung và nhà giáo dục, HS, cha mẹ HS nói riêng ít được cập nhật thông tin. Họ hầu như chưa biết, và chưa có những biện pháp thiết thực ứng phó với những thay đổi đó.

- Nhiều công trình, dự án đã đề cập đến vấn đề bảo tồn ĐVHD trên thế giới và ở Việt Nam, nhưng chưa có công trình nào đề cập một việc biên soạn chương trình, tài liệu giáo dục bảo vệ ĐVHD cho HS phổ thông nói chung, dành riêng cho khu vực Tây Nguyên nói riêng. Việc biên soạn và tích hợp những nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD vào chương trình mới ban hành 2018 cần được ưu tiên.

- Giáo dục môi trường là một trong các nội dung giáo dục được tích hợp vào từ Chương trình giáo dục phổ thông 2006 (Bộ GD-ĐT, 2006), Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018a) qua các môn Sinh học (THPT) (Bộ GD-ĐT, 2018b), Tự nhiên và Xã hội (tiểu học), Hoạt động trải nghiệm (THCS); nhưng cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu và xây dựng mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD nói chung và cho khu vực Tây Nguyên nói riêng; hoạt động truyền thông và hiệu quả của hoạt động truyền thông chưa được chú trọng.

Từ kinh nghiệm giáo dục bảo vệ ĐVHD ở các quốc gia Trung Quốc, Singapore và New Zealand, nghiên cứu về bảo tồn ĐVHD ở Việt Nam cần tập trung vào các hướng chủ yếu là: (1) Nội dung giáo dục bảo tồn ĐVHD; (2) Mô hình bảo tồn ĐVHD; (3) Hoạt động truyền thông về tầm quan trọng, cách thức bảo tồn ĐVHD. Đây cũng là nội dung hữu ích góp phần làm phong phú kho học liệu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trong đó: *Nội dung giáo dục bảo vệ ĐVHD*: Các hoạt động giáo dục chính gồm: Nâng cao nhận thức của trẻ em về bảo tồn bền vững; Đào tạo GV về các vấn đề môi trường; và thúc đẩy dạy học dự án. Chương trình bao gồm các hoạt động trải nghiệm đa dạng dành cho HS tới những khu bảo tồn, các cuộc thi hằng năm, và khóa đào tạo ngắn ngày cho GV; *Mô hình giáo dục bảo vệ ĐVHD*: Thành lập Trung tâm giáo dục và tin tức nhằm trang bị những hiểu biết cần thiết về ĐVHD và cung cấp các nhu yếu phẩm cấp thiết để bảo tồn ĐVHD. Kêu gọi cộng đồng trong nỗ lực bảo vệ cuộc sống hoang dã. Đối với bảo tồn toàn cầu, cách tiếp cận bền vững là phát triển luật pháp và đạo đức đi kèm với điều chỉnh thái độ con người; *Hoạt động truyền thông về ĐVHD*: Ý thức bảo vệ ĐVHD được khuyến khích thông qua việc theo dõi các chương trình bảo vệ động vật, thăm sở thú và học hỏi từ cha mẹ. Sự tham gia của HS vào các hoạt động bảo vệ động vật chịu ảnh hưởng của hoạt động giáo dục bảo vệ ĐVHD trong nhà trường và nền tảng giáo dục trong gia đình. Do đó, để nâng cao ý thức và hành vi bảo vệ ĐVHD cho HS, cần tăng cường sự tham gia chung của gia đình và xã hội.

3. Kết luận

Bài báo đã phân tích chi tiết kinh nghiệm của Trung Quốc, Singapore và New Zealand về GDBV ĐVHD, những kết quả đạt được và thách thức mà các quốc gia này cần giải quyết trong thời gian tới. Đây là những thông tin rất hữu ích cho Việt Nam trong quá trình giáo dục bảo vệ môi trường nói chung và bảo tồn ĐVHD nói riêng. Các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và GV có thể tham khảo các thông tin liên quan tới mô hình, nội dung và hoạt động truyền thông về tầm quan trọng, cách thức bảo tồn ĐVHD; cùng với điều kiện hoàn cảnh cụ thể ở địa phương

để đề xuất các nghiên cứu, viết chương trình, sách hướng dẫn... về giáo dục bảo vệ ĐVHD, góp phần bảo vệ hệ sinh thái, bảo vệ môi trường. Do hạn chế về thời gian, chúng tôi mới chỉ tìm hiểu ở kinh nghiệm giáo dục bảo vệ ĐVHD ở 3 quốc gia; để có bức tranh toàn cảnh về vấn đề giáo dục bảo vệ ĐVHD, cần nghiên cứu ở nhiều quốc gia hơn nữa trong thời gian tới.

Lời cảm ơn: Bài báo này là sản phẩm của đề tài “Giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên”, mã số: B2022-VKG-02-MT.TĐ do PGS.TS. Trần Huy Hoàng chủ nhiệm.

Tài liệu tham khảo

- Birdsall, S., & Kelly, T. (2022). “Conservation education in Aotearoa-New Zealand: A values perspective”. *Australian Journal of Environmental Education*, 38(2), 178-191. <https://doi.org/10.1017/ae.2022.19>
- Bộ GD-ĐT (2006). *Chương trình giáo dục phổ thông* (ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Sinh học* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Du, N., Fathollahi-Fard, A. M., & Wong, K. Y. (2023). Wildlife resource conservation and utilization for achieving sustainable development in China: main barriers and problem identification. *Environmental Science and Pollution Research*, 1-20.
- Enviroschools (n.d). *Nau mai ki Enviroschools*. <https://enviroschools.org.nz/>
- Goodall, J. (2017). *World Environment Day China works toward a brighter future*. http://tz.china-embassy.gov.cn/chn/sgdt/201708/t20170805_6172637.htm
- Huang, G., Ping, X., Xu, W., Hu, Y., Chang, J., Swaisgood, R. R., ... & Wei, F. (2021). Wildlife conservation and management in China: achievements, challenges and perspectives. *National Science Review*, 8(7). <https://doi.org/10.1093/nsr/nwab042>
- IUCN Red List (2021). *Numbers of threatened species by major groups of organisms (1996-2021)*. <https://www.iucnredlist.org/>
- Li, L., Hu, R., Huang, J., Bürgi, M., Zhu, Z., Zhong, J., & Lü, Z. (2020). A farmland biodiversity strategy is needed for China. *Nature Ecology & Evolution*, 4(6), 772-774. <https://doi.org/10.1038/s41559-020-1161-2>
- Ministry of the Environment and Water Resources and Ministry of National Development (2015). *Sustainable Singapore Blueprint*.
- OECD (2007). *OECD environmental performance reviews: New Zealand 2007*. https://www.oecd-ilibrary.org/environment/oecd-environmental-performancereviews-new-zealand-2007_9789264030589-en
- Swaisgood, R. R., Wang, D., & Wei, F. (2018). Panda downlisted but not out of the woods. *Conservation Letters*, 11(1). <https://doi.org/10.1111/conl.12355>
- Wang, Q., Qu, J., Wang, B., Wang, P., & Yang, T. (2019). Green technology innovation development in China in 1990-2015. *Science of the Total Environment*, 696. <https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2019.134008>
- Yang, V. (2016). Future for Wildlife Programmes: Changing minds and attitudes of youth in the city of Singapore. *International Zoo Educators Association Journal*, 52, 16-19.
- Zhou, W., Wang, M., Huang, M., & Wei, F. (2021). A marine biodiversity plan for China and beyond. *Science*, 371(6530), 685-686. <https://doi.org/10.1126/science.abg7976>